

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/05/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1		CTC1+MRM	7:25	4+15	0+0		0+20	0+0			
2		PVD8	7:25	21	0		21	0			
3		PVD8+TD2	9:25	20+0	0+0		13+7	0+0			
4		MRM+RP1+RCDM	9:25	8+10+1	0+0+0		8+11+1	0+0+0			
5		RP1+RP2	11:25	19+0	0+0		12+10	0+0			
6		PVD8+P9+TTC2	11:25	8+12+0	0+0+0		0+0+4	0+0+0			

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: PVD8	CREW: QVIỆT - TTRUNG - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/2062	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	PVD8	52	1	7			86	HALLIBUR	Vietnamese
2	NGUYỄN TÂN HIẾU	PVD8	28-29	2	14			52	PVD LOGGI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN A	PVD8	59-60	2	12	2	34	57	PVDO	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC TUẤN	PVD8	67-68	2	19			71	PVDO	Vietnamese
5	MAI HAI LONG	PVD8	78	1	6			69	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG HIẾU	PVD8	79-80	2	8			72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ GIA LƯỢNG	PVD8	77-78	2	11			103	BAKER HUC	Vietnamese
8	ÔNG VĂN NĂM	PVD8	77	1	13			57	BAKER HUC	Vietnamese
9	NAUSHAD KHARAS	PVD8	74-75	2	18			81	BAKER HUC	Indian
10	NGUYỄN CÔNG CHỨC	PVD8	55-56	2	15			72	PVD DD	Vietnamese
11	HOANG NHẬT MINH	PVD8	65-66	2	11			65	PVD DD	Vietnamese
12	LUONG THE PHUC	PVD8	58	1	12			78	PVDO	Vietnamese
13	PHẠM TRỌNG HÙNG	PVD8	57	1	7			73	PVDO	Vietnamese
14	NG WEI KHIANG	PVD8	69-70	2	15			76	OVE	Malaysian
15	MUQRIZZ AIMAN BIN HAMDAN	PVD8	71-72	2	17			66	OVE	Malaysian
16	PHẠM MINH ĐẠT	PVD8	61,81	2	12			62	INTL.SOS	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NGHỊ	PVD8	62	1	11			73	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	PVD8	51	1	6			56	PSV	Vietnamese
19	LÊ ĐĂNG KHOA	PVD8	63	1	5			70	PSV	Vietnamese
20	ĐÌNH DUY LONG	PVD8	64	1	12			72	PVDWS	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN DŨNG	PVD8	53-54	2	16			87	PVDWS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	21	1.498	33	247	2	34	21		
TOTAL		21	1.498	33	247	2	34	21		
WEIGHT KG			1.498		247		34			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐÌNH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: CTC1 - MRM	CREW: HUNG - NAM - THANH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/2059	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN DAI KHOA	CTC1	77-78	2	18			69	KH-THAC	Vietnamese
2	DO VAN TRUONG	CTC1	68-69	2	20			64	KH-THAC	Vietnamese
3	VU CHI CONG	CTC1	70	1	10	3	61	52	KH-THAC	Vietnamese
4	LUONG TUAN ANH	CTC1	74-75	2	12	1	20	84	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SY	MRM	53	1	6			54	AMHGP	Vietnamese
6	DMITRII KONDRATOV	MRM	55	1	9			118	HALLIBUR	Russian
7	MAKAROV KONSTANTIN	MRM	61-62	2	10			83	AMHGP	Russian
8	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	59	1	7			84	AMHGP	Russian
9	VORONOCHKIN VITALII	MRM	57-58	2	13			95	AMHGP	Russian
10	SHCHETININ IVAN	MRM	66	1	9			76	AMHGP	Russian
11	GALIAKHMETOV AIDAR	MRM	51-52	2	10			88	AMHGP	Russian
12	BAROV VALERII	MRM	60	1	15			77	AMHGP	Russian
13	GRITSENKO VLADIMIR	MRM	63-64	2	15			83	AMHGP	Russian
14	ISLAMOVI ILDAR	MRM	56	1	14			112	AMHGP	Russian
15	SHURUPOV PAVEL	MRM	49	1	17			88	AMHGP	Russian
16	NIKULIN LEONID	MRM	54	1	14			97	AMHGP	Russian
17	KOSTRYKIN ALEKSANDR	MRM	65	1	9			75	AMHGP	Russian
18	LE HONG SON	MRM	50	1	6			64	AMHGP	Vietnamese
19	TIKHONOV EVGENY	MRM						107	AMHGP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	4	269	7	60	4	81	0		
2	MRM	15	1.301	18	154	0	0	21		
TOTAL		19	1.570	25	214	4	81	21		
WEIGHT KG			1.570		214		81			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
TRẦN HỒNG NAM





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: PVD8 - TD2	CREW: DUONG - NAM - THANH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/2060	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN XUÂN ANH	PVD8	42	1	4			59	PVDO	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH BÌNH	PVD8	37	1	4			72	PVDO	Vietnamese
3	TRẦN NGỒN QUANG HUY	PVD8	47	1	6			79	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC HIỆU	PVD8	46	1	4			81	PVDO	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH TUẤN	PVD8	38-39	2	10			93	PVDO	Vietnamese
6	LUƠNG TẤN SANG	PVD8	48	1	7			76	PVDO	Vietnamese
7	LÊ VĂN THANH 1982	PVD8	43	1	4			75	PVDO	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN SONG	PVD8	40	1	5			69	PVDO	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC TUẤN	PVD8	35-36	2	8			52	PVDO	Vietnamese
10	PHAN VĂN HÙNG	PVD8	41	1	6			64	PVDO	Vietnamese
11	LẠI VĂN CƯỜNG	PVD8	50	1	15			64	PVDO	Vietnamese
12	LÊ XUÂN MẠNH	PVD8	49	1	12			69	PVDO	Vietnamese
13	VŨ DUY PHƯƠNG	PVD8	44-45	2	10			62	PVDO	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TIỀN (11743)	PVD8	51,	1	8	2	20	67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN QUANG	PVD8	57,82-83	3	20			72	CODIEN	Vietnamese
16	PHẠM CAO CƯỜNG	PVD8	32	1	14			64	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH HIỆU	PVD8	33-34	2	17			72	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐỒNG VĂN THUY	PVD8	55-56	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI VĂN TUYẾN	PVD8	53-54	2	18			57	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN TRƯỜNG	PVD8	52	1	15			78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	20	1.398	28	206	2	20	13		
2	TD2	0	0	0	0	1	10	7		
TOTAL		20	1.398	28	206	3	30	20		
WEIGHT KG			1.398		206		30			

GRAND TOAL: 1.634 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
TRẦN HỒNG NAM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:MRM - RP1 - RCDM	CREW: QVIỆT - TTRUNG - DTÙNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/2063	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	GOLUBEV ALEKSANDR	MRM	79	1	9			93	AMHGP	Russian
2	KAREBIN SPARTAK	MRM	84	1	15			100	AMHGP	Russian
3	NIKOLAEV OLEG	MRM	75,77	2	12			87	AMHGP	Russian
4	KOVALCHUK MIKHAIL	MRM	73-74	2	15	7	110	95	AMHGP	Russian
5	SHCHERBAKOV MAXIM	MRM	71	1	10			90	AMHGP	Russian
6	VŨ VĂN ĐÔNG	MRM	69	1	7			62	AMHGP	Vietnamese
7	ANOSOV VLADIMIR	MRM	81-82	2	11			88	AMHGP	Russian
8	VŨ VĂN TRƯỜNG	MRM	83	1	10			68	AMHGP	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HUNG	RP1	95	1	6			69	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM THANH NAM	RP1	91	1	16			70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGÔ THANH NAM	RP1	92	1	12			67	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN CAO	RP1	94	1	13			59	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ CÔNG PHONG	RP1	97	1	11			69	XAYLAP	Vietnamese
14	PHUNG VĂN PHƯƠNG	RP1	200	1	9			65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH LONG	RP1	93	1	10			67	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VŨ THANH CÔNG	RP1	98	1	10			58	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC DUY	RP1	99	1	11			67	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH TUẤN	RP1	96	1	11			71	XAYLAP	Vietnamese
19	HỒ TRỌNG BĂNG	RCDM	59	1	8	2	30	73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	8	683	11	89	7	110	8		
2	RP1	10	662	10	109	0	0	12		
3	RCDM	1	73	1	8	2	30	1		
TOTAL		19	1.418	22	206	9	140	21		
WEIGHT KG			1.418		206		140			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

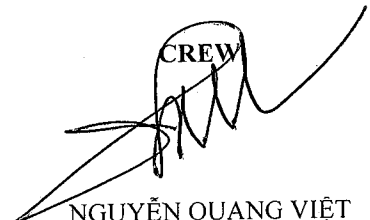
VSP REP.


NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.


ĐINH THỊ HOA

CREW


NGUYỄN QUANG VIỆT
NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: TRANG-3	TO:RP1 - RP2	CREW: DƯƠNG - NAM - HUY	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/2061	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN ĐỨC	RP1	69	1	12			76	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG ĐÌNH	RP1	84	1	12			55	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ ĐÌNH ĐỎ	RP1	88	1	10	1	17	79	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN TRƯỜNG BIÊN	RP1	68	1	9			76	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH VINH	RP1	66	1	10	1	11	68	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TOÀN	RP1	70	1	11			68	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN THAO	RP1	71	1	11			68	XAYLAP	Vietnamese
8	LƯƠNG VĂN THỨC	RP1	85	1	12			78	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ TRỌNG CƯỜNG	RP1	63-64	2	10			54	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN MINH DŨNG	RP1	77-78	2	16			69	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐÌNH VĂN QUANG	RP1	90	1	8			53	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG ANH TUẤN	RP1	81-82	2	16			58	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐOÀN CÔNG MẠNH	RP1	79-80	2	17			74	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH HOÀNG	RP1	75	1	10	1	13	81	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH BIÊN	RP1	86	1	10	1	14	83	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ VĂN HAI	RP1	83	1	10			80	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN ĐÌNH LAM MINH	RP1	65	1	8			63	PSV	Vietnamese
18	HÀ QUỐC VINH	RP1	73-74	2	10			71	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC CHINH	RP1	72	1	14			79	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	19	1.333	24	216	4	55	11		
2	RP2	0	0	0	0	1	3	10		
TOTAL		19	1.333	24	216	5	58	21		
WEIGHT KG			1.333		216		58			

GRAND TOAL: 1.607 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

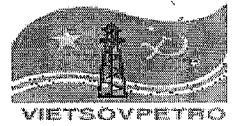
CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

TRẦN HỒNG NAM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: NAU-3	TO: PVD8 - P9 - TTC2	CREW: XHOÀN - ĐNAM - MQUÂN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/2064	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VĂN TIÊN DUẬN	PVD8	53-54	2	19			69	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN DANH CHIÊN	PVD8	86-87	2	17			72	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐÀO MINH HAI	PVD8	59,85	2	13			69	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN KHOA	PVD8	57	1	13			72	XAYLAP	Vietnamese
5	MAI TRỌNG HAI	PVD8	88	1	12			63	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HIỆU	PVD8	56	1	9			71	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN BÌNH	PVD8	58	1	10			65	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG MẠNH HÙNG	PVD8	55	1	4			86	GETRACO	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC TRUONG ANH	PVD8	89	1	7			94	XAY LAP	Vietnamese
10	ĐẶNG HỮU MẠNH	P9	22	1	8			74	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN MAI	P9	21	1	10			68	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH HUÂN	P9	08-09	2	11			45	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
13	ĐÌNH HỮU TÂM	P9	25	1	7			49	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
14	PHẠM QUANG CÔNG	P9	12-13	2	16			60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
15	VÕ VĂN HUY	P9	16-17	2	14			62	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
16	VÕ VĂN ĐÔNG	P9	23	1	8			60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
17	LÊ VĂN KHÁNH	P9	14-15	2	14			66	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU THĂNG	P9	10-11	2	13			76	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN BAO	P9	24	1	8			50	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
20	TRUONG CONG TUAN	P9	18	1	11			75	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
21	HOANG CAO CUONG	P9	20	1	12			69	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	9	661	12	104	0	0	0		
2	P9	12	754	17	132	0	0	0		
3	TTC2	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	1.415	29	236	0	0	4		
WEIGHT KG			1.415		236	0				

GRAND TOAL: 1.651 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

ĐINH THỊ HOA

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN ĐỨC NAM

